

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 475/2020/DSPT

Ngày: 28/12/2020

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

*Các Thẩm phán:*

**Bà Trần Thị Kim Em**

**Ông Nguyễn Thanh Triều**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Quốc Nam** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*  
**Bà Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 603/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **Trần Tiến D**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp Hòa, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

*2. Bị đơn:* Chị **Lâm Thị T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Kinh 2B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Do có kháng cáo của: *Nguyên đơn:* Ông **Trần Tiến D**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp Hòa, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo án sơ thẩm:*

*Theo nguyên đơn ông Trần Tiến D trình bày:*

Năm 2015, tôi có giao cho chị T một số vật liệu như sau:

- 08 cây cột xi măng dài 3,5m.
- 02 cây kèo 5 x 10 dài 08m loại gỗ dầu;
- 06 cây đoàn tay 5 x 7 dài 4.5m loại gỗ dầu;
- 100 tấm đan xi măng 0.5m x 1m;
- 01 bộ cửa sắt 1.6 x 2.2m;
- 01 vách gỗ dầu 2.2 x 3.5 m.

Tổng giá trị khoảng 30.000.000 đồng để chị T cất nhà cho thuê tại ấp Hoà, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chị T hứa khi nào bán đất ở ấp Hòa, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang sẽ trả cho tôi 30.000.000 đồng sau đó chị T đã bán đất cho anh Vinh nhưng không T toán cho tôi.

*Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:* Buộc chị Lâm Thị T trả cho tôi số tiền mua vật liệu là 30.000.000 đồng thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Theo bị đơn chị Lâm Thị T trình bày:*

Tôi không đồng ý theo yêu cầu của ông D: Tôi chỉ có mượn của ông D 01 bộ cửa sắt 1.6m x 2.2m và 01 vách gỗ dầu 2.2 x 3.5m đã cũ trị giá khoảng 5.000.000 đồng. Ông D kiện tôi, tôi đồng ý trả cho ông D trị giá 5.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 21/8/2020.

Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân huyện T, tỉnh Tiền Giang Căn cứ Điều 430, Điều 357 của Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**Xử: 1.** Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tiến D đối với bị đơn chị Lâm Thị T.

1.1 Buộc chị Lâm Thị T trả ông Trần Tiến D 5.000.000 đồng, thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/10/2020 ông Trần Tiến D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 64/2020/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu bà Lâm Thị T trả số tiền mua vật liệu 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Trần Tiến D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Nguồn gốc số vật liệu đang tranh chấp là của ông cho bà Lâm Thị Sáu (là cô ruột) mượn vật liệu để xây dựng nhà cho thuê. Đến khi bà Sáu qua đời thì con bà Sáu là anh Lâm Văn Cao đỡ nhà bán đất nên

ông yêu cầu lấy lại số vật liệu trên nhưng do chị T có nhu cầu sử dụng số vật liệu để cất nhà nên ông cho chị T mượn.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng tại tòa án cấp phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tiến D là có không cơ sở vì nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ y án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Tiến D thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo qui định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa đúng theo yêu cầu của đương sự nên cần điều chỉnh là “Đòi tài sản” theo qui định tại Điều 166 Bộ luật dân sự;

[2] Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Năm 2015 ông Trần Tiến D có cho chị T mượn một số vật liệu xây dựng gồm 08 cây cột xi măng, 02 cây kèo, 06 cây đòn tay, 100 tấm dal, 01 bộ cửa sắt, 01 vách gỗ dầu, tổng số tiền là 30.000.000 đồng, việc cho mượn tài sản giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng, hai bên thỏa thuận là khi chị T bán đất ở ấp Hòa, xã D, chị T sẽ trả tiền cho ông D. Sau đó chị T bán đất nhưng không thực hiện việc trả tiền cho ông. Bị đơn chỉ thừa nhận có mượn của ông D 01 bộ cửa sắt, 01 vách gỗ dầu đã cũ, trị giá khoảng 5.000.000 đồng. Do đó, xác định giữa ông D và chị T xác lập giao dịch hợp đồng mượn tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Trần Tiến D yêu cầu chị T trả số tiền 30.000.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông D là không có cơ sở vì ông D khởi kiện cho rằng ông cho chị T mượn vật liệu xây dựng gồm

08 cây cột xi măng, 02 cây kèo, 06 cây đòn tay, 100 tấm đan, 01 bộ cửa sắt, 01 vách gỗ dầu tổng giá trị là 30.000.000 đồng nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Phía bị đơn chị T không thừa nhận có mượn của ông D số tài sản theo lời trình bày của ông D mà ông D không có chứng cứ chứng minh việc cho mượn tài sản đối với chị T. Căn cứ lời thừa nhận của chị T có mượn của ông D 01 bộ cửa sắt, 01 vách gỗ dầu trị giá 5.000.000 đồng nên cần chấp nhận theo lời thừa nhận của chị T. Do đó, ông D yêu cầu chị T trả 30.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét yêu cầu kháng cáo của ông D không có căn cứ nên không được chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào [Điều 166](#), [Điều 357 Bộ luật dân sự](#). Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Tiến D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 64/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.***

***Tuyên xử:*** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tiến D.

1. Buộc chị Lâm Thị T có trách nhiệm trả cho ông Trần Tiến D số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông D có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T không thực hiện thì chị T còn phải trả lãi theo qui định tại Điều Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí:

- Ông D được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

- Chị Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

***Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.***

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diệp Thúy**